

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 21 – 02 – 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoài Yên.

Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1/ Ông Mai Văn Q, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

2/ Bà Trần Thị D, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

3/ Ông Mai Thanh M, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 23/4/2021 ông Mai Văn Q và bà Trần Thị D có vay của ông số tiền 22.000.000 đồng, lãi suất tính theo thoả thuận. Quá trình nhận tiền ông Q và bà D có ký tên xác nhận nợ, cam kết thanh toán vào ngày 22/5/2022. Ông Q và bà D đã trả được nhiều lần tổng cộng 15.400.000 đồng. Nay còn nợ 6.600.000 đồng.

Vào ngày 18/8/2022 ông Mai Thanh M là con của ông Q và bà D mua điện thoại tại cửa hàng của ông còn nợ 8.400.000 đồng. Quá trình nhận điện thoại ông M có ký tên xác nhận nợ, cam kết thanh toán vào ngày 18/9/2022.

Ngày 28/4/2023 ông Q và bà D đối chiếu xác nhận nợ và đồng ý trả thay khoản tiền của ông M tổng số tiền 15.000.000 đồng. Ông Q và bà D có ký tên xác nhận nợ hẹn thanh toán vào ngày 28/6/2023. Từ khi chót nợ đến nay ông đã liên hệ nhiều lần nhưng ông Q, bà D và ông M hẹn nhưng cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Nay ông yêu cầu giải quyết buộc ông Q, bà D và ông M liên đới trả cho ông số tiền còn nợ 15.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi đối với số tiền 6.600.000 đồng từ ngày 23/4/2021 đến ngày khởi kiện 09/10/2023 với mức lãi 1,66%/tháng và lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án. Yêu cầu tính lãi đối với số tiền 8.400.000 đồng từ ngày 18/9/2022 đến ngày 09/10/2023 với mức lãi 10%/năm và lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn ông Q, bà D và ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông S.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Việt S trình bày: Đối với số tiền vay tính đến ngày 05/11/2023 ông Q, bà D đã trả tổng cộng 17.600.000 đồng còn nợ 4.400.000 đồng. Nay yêu cầu ông Q và bà D liên đới trả tiền vay còn nợ 4.400.000 đồng và lãi tính từ ngày 23/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật. Yêu cầu ông Q, bà D và ông M liên đới trả tiền mua bán còn nợ 8.400.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 18/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Ông Mai Văn Q, bà Trần Thị D và ông Mai Thanh M vắng mặt không có ý kiến gì bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Mai Văn Q, bà Trần Thị D và ông Trần Thanh M liên đới trả số tiền vay và tiền mua bán còn nợ nên đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Mai Văn Q, bà Trần Thị D và ông Mai Thanh M cùng cư trú tại ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau

theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Mai Văn Q, bà Trần Thị D và ông Trần Thanh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông Q, bà D, ông M.

[2] Xét về nội dung tranh chấp:

Đối với hợp đồng vay tài sản: Ông S yêu cầu ông Q, bà D liên đới trả cho ông S tổng số tiền vốn 4.400.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông S cung cấp biên nhận nợ vào ngày 23/4/2021 do bà ông Q, bà D ký xác lập thể hiện ông Q, bà D có vay ông S số tiền 22.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 22/5/2021. Ông S xác định sau khi vay đến ngày 05/11/2023 thì ông Q, bà D đã trả cho ông nhiều lần tổng cộng là 17.600.000 đồng, còn nợ số tiền vốn 4.400.000 đồng đến nay không trả. Do đó, việc ông S khởi kiện yêu cầu ông Q, bà D liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 4.400.000 đồng là có căn cứ. Về tiền lãi ông S yêu cầu với số tiền 4.400.000 đồng, lãi suất được tính từ ngày 23/4/2021 đến ngày 21/02/2024 là 02 năm 09 tháng 29 ngày $\times 20\%/năm \times 4.400.000 \text{ đồng} = 2.481.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số). Tổng cộng vốn và lãi $4.400.000 \text{ đồng} + 2.481.000 \text{ đồng} = 6.881.000 \text{ đồng}$.

Đối với hợp đồng mua bán tài sản: Ông S yêu cầu ông Q, bà D và ông M liên đới trả cho ông số tiền mua bán còn nợ 8.400.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông S cung cấp biên nhận nợ được lập vào ngày 18/8/2022 do ông M ký xác lập, nội dung thể hiện ông M còn nợ ông S số tiền 8.400.000 đồng và giấy cam kết vào ngày 28/4/2023 do ông Q, bà D ký xác lập đồng ý bảo lãnh số nợ 8.400.000 đồng do ông M còn nợ ông S, hẹn thời hạn trả nợ vào ngày 28/6/2023. Do ông Q, bà D và ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc ông S khởi kiện buộc ông Q, bà D và ông M liên đới trả cho ông số tiền mua bán còn nợ 8.400.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Do ông Q, bà D và ông M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho ông S theo thỏa thuận nên việc ông S yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp, thời gian chậm trả từ ngày 18/9/2022 đến ngày 21/02/2024 là 01 năm 05 tháng 03 ngày $\times 10\%/năm \times 8.400.000 \text{ đồng} = 1.196.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số). Tổng cộng vốn và lãi $8.400.000 \text{ đồng} + 1.196.000 \text{ đồng} = 9.596.000 \text{ đồng}$.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Q, bà D và ông M không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do ông S cung cấp. Từ những nhận

định, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc ông Q và bà D liên đới trả cho ông S tổng số tiền vay và lãi còn nợ là 6.881.000 đồng, buộc ông Q, bà D và ông M liên đới trả cho ông S tổng số tiền mua bán và lãi suất còn nợ là 9.596.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S được Tòa án chấp nhận nên ông Q, bà D và ông M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 430, 440, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Buộc ông Mai Văn Q, bà Trần Thị D liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền vốn vay và lãi còn nợ là 6.881.000 đồng (Sáu triệu tám trăm tám mươi một nghìn đồng).

Buộc ông Mai Văn Q, bà Trần Thị D và ông Mai Thanh M liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền mua bán và lãi còn nợ là 9.596.000 đồng (Chín triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Mai Văn Q và bà Trần Thị D liên đới chịu số tiền 344.050 đồng.
- Ông Mai Văn Q, bà Trần Thị D và ông Mai Thanh M liên đới chịu số tiền 480.000 đồng (làm tròn số).
- Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 481.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019220 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, ông S được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân,
- Chi cục THADS huyện Phú Tân,
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như